

Số: 692/2024/QĐST-DS

Củ Chi, ngày 12 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các điều 317, 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 340/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P; trụ sở chính: Số D (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và Số D L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu D, chức vụ: Giám đốc Phòng G.

Ông D ủy quyền cho bên thứ ba: Ông Mai Hiếu H, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ; địa chỉ: Số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thúy A, sinh năm: 1977 và ông Lê Long H1, sinh năm: 1972; cùng địa chỉ: Số 8/5/3 Nguyễn Thị L (đường cũ: 464), Tổ G, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số nợ: Ông Lê Long H1 và bà Trần Thị Thúy A có nghĩa vụ trả cho Ngân

hàng Thương mại cổ phần P số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày 31/8/2024 là 77.328.445đ (bảy mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc 76.640.000đ (bảy mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 668.352đ (sáu trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm năm mươi hai đồng) và nợ lãi quá hạn là 20.093đ (hai mươi nghìn không trăm chín mươi ba đồng) đến hết ngày 31/8/2024 và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 009.17.0368/2017/HĐTD-CN ngày 26/10/2017.

- Thời hạn và phương thức trả nợ: Kể từ ngày 16/10/2024 đến ngày 16/3/2025, ông **H1** và bà **A** phải trả dứt nợ (trong thời hạn 06 tháng). Từ ngày 16/10/2024 đến ngày 16/02/2025, hàng tháng ông **H1** và bà **A** sẽ trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần P** 1.000.000đ/tháng thu vào nợ tiền gốc. Đến ngày 16/3/2025, ông **H1** và bà **A** trả dứt nợ số tiền còn lại và lãi phát sinh.

Kể từ ngày 01/9/2024, ông **H1** và bà **A** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông **H1** và bà **A** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần P** có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo quyền sử dụng đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại **xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AN 179875, số vào sổ cấp GCN H01001/19 do **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp ngày 24/7/2008 để thu hồi nợ.

- Về chi phí tố tụng: Ông **H1** và bà **A** phải hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần P** chi phí tố tụng mà **Ngân hàng Thương mại cổ phần P** đã tạm ứng số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày **Ngân hàng Thương mại cổ phần P** có đơn yêu cầu thi hành án, ông **H1** và bà **A** có trách nhiệm trả lãi cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần P** với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông **Lê Long H1** và bà **Trần Thị Thúy A** tự nguyện chịu 1.933.211đ (một triệu chín trăm ba mươi ba nghìn hai trăm mười một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần P** số tiền tạm ứng án phí là 3.672.366đ (ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0019181 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa điểm thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Anh Đạt